

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ C
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 87/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 25/9/2017

Về: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ C
TỈNH KHÁNH HÒA**

Với thành phần hội đồng xét xử gồm có:

- Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Luẩn
- Các hội thẩm nhân dân:
 1. Ông Đặng Ngọc Hương
 2. Ông Nguyễn Đại Hải
- Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Huy
Thư ký tòa án nhân dân thành phố C.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố C - tỉnh Khánh Hòa
tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Thảo - kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố C, Tòa án nhân dân thành phố C mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: xxx/2017/TLST-HNGĐ ngày 20/7/2017 về việc: “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: xx/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 06/9/2017 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn*: Bà Trần Thị N - sinh năm: 1966
HKTT: Tổ dân phố N, phường S, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa
Tạm trú: xxx Nguyễn K, phường T, Quận x, thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt)

* *Bị đơn*: Ông Nguyễn Đ - sinh năm: 1960
Địa chỉ: Tổ dân phố N, phường S, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa .(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Trong đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Trần Thị N trình bày:*

Bà và ông Nguyễn Đ tự nguyện kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân phường phường S, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa cấp giấy chứng nhận kết hôn số xx, quyền số 01/1999. Quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không hợp tính tình, bất đồng quan điểm sống nên

thường xuyên cãi vã, xúc phạm nhau. Do mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng nên từ năm 2015 đến nay bà và ông Đ không sống chung với nhau. Nay mâu thuẫn vợ chồng không hàn gắn được nên bà yêu cầu tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Đ.

Về con chung: Bà và ông Nguyễn Đ có 03 con chung là: Nguyễn H - sinh năm 1990, Nguyễn R - sinh năm 1994, Nguyễn Thị M - sinh năm 1996. Các con chung đều đã trưởng thành nên bà không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Bà và ông Đ tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

* Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố C:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

* **Về thủ tục tố tụng:** Bị đơn ông Nguyễn Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng cố tình vắng mặt nên căn cứ vào khoản 2 Điều 227 bộ luật tố tụng dân sự, tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Nguyễn Đ.

* **Về nội dung vụ án:**

Bà Trần Thị N và ông Nguyễn Đ tự nguyện kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân phường S, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa cấp giấy chứng nhận kết hôn số xx, quyển số 01/1999 nên đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn vì không tôn trọng và không có trách nhiệm với nhau, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau, sống với nhau không có hạnh phúc. Hiện nay mâu thuẫn vợ chồng ngày càng gay gắt không hàn gắn được. Xét thấy tình trạng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, yêu cầu của bà N được ly hôn ông Đ là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về con chung: Bà Trần Thị N và ông Nguyễn Đ 03 con chung là: Nguyễn H - sinh năm 1990, Nguyễn R - sinh năm 1994, Nguyễn Thị M - sinh năm 1996. Các con chung đều đã trưởng thành, bà N không yêu cầu giải quyết nên không xét

Về tài sản chung: Bà Trần Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

Về án phí: Bà Trần Thị N phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Từ những nhận định trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Chấp nhận yêu cầu của bà Trần Thị N. Bà Trần Thị N được ly hôn ông Nguyễn Đ.

2 *Về con chung:* Bà Trần Thị N và ông Nguyễn Đ 03 con chung là: Nguyễn H - sinh năm 1990, Nguyễn R - sinh năm 1994, Nguyễn Thị M - sinh năm 1996. Các con chung đều đã trưởng thành, bà N không yêu cầu giải quyết nên không xét.

3. *Về tài sản chung:* Bà Trần Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

4. *Về án phí:* Bà Trần Thị N nộp 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà bà Trần Thị N đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số: yy/2016/0011798 ngày 18/7/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố C; như vậy, bà Trần Thị N đã nộp đủ án phí.

Bà Trần Thị N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Ông Nguyễn Đ có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND thành phố C;
- UBND phường S
- Thi hành án dân sự thành phố C;
- Các đương sự
- Lưu HS,AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Bùi Thị Luân